

KIỂM TRA SỨC CHỊU ĐỰNG RỦI RO THANH KHOẢN CỦA CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM

STRESS TESTING THE LIABILITY RISK RESISTANCE OF COMMERCIAL BANKS IN VIETNAM

Dương Thị Hoàn^{1,*}

TÓM TẮT

Nghiên cứu được thực hiện với mục tiêu bổ sung bằng chứng thực nghiệm nhằm kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thanh khoản của một số ngân hàng Việt Nam trước những sự kiện bất lợi, ngoại lệ, bất thường nhưng có khả năng xảy ra như đại dịch Covid-19. Trong bài viết này, tác giả kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản của các ngân hàng dựa trên mô hình của Martin Cihak. Phương pháp này dựa trên số liệu về các tài sản của ngân hàng tại một thời điểm với các giả định cú sốc thanh khoản làm tăng đột biến tỷ lệ rút tiền ở các tài khoản tiền gửi. Số liệu được thu thập từ báo cáo tài chính của 10 ngân hàng thương mại Việt Nam thời điểm 30 tháng 6 năm 2021. Nghiên cứu cho thấy các ngân hàng thặng dư thanh khoản và vượt quá các cú sốc ở kịch bản cơ sở mà không cần phải bán tài sản kém thanh khoản hay nhờ sự trợ giúp của ngân hàng Nhà Nước. Nhưng khi thị trường bất lợi và căng thẳng thì một số các ngân hàng phải đối mặt với dòng vốn ra lớn dẫn đến mất thanh khoản

Từ khóa: Ngân hàng thương mại Việt Nam; rủi ro thanh khoản; tiền gửi; kiểm tra sức chịu đựng.

ABSTRACT

The study was conducted with the objective of supplementing empirical evidence to test the liquidity risk tolerance of some Vietnamese banks in the face of potentially adverse, exceptional, and unusual events. like the Covid-19 pandemic. In this paper, the author examines the liquidity risk tolerance of banks based on the model of Martin Cihak. This method is based on data about a bank's assets at a point in time, making the assumption that a liquidity shock is a spike in the withdrawal rate in deposit accounts. The data are collected from the financial statements of 10 Vietnamese commercial banks as of June 30, 2021. The study shows that the banks have a liquidity surplus and exceed the shocks in the base scenario without need to sell illiquid assets or get help from the State Bank. But when the market is unfavorable and stressful, some banks have to face large capital outflows leading to liquidity loss.

Keywords: Vietnam commercial bank; liability risk; deposits; stress test.

¹Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

*Email: hoandunghau102@gmail.com

Ngày nhận bài: 15/3/2022

Ngày nhận bài sửa sau phản biện: 26/4/2022

Ngày chấp nhận đăng: 27/6/2022

CHỮ VIẾT TẮT GIẢI NGHĨA

NHNN	Ngân hàng Nhà nước
NHTM	Ngân hàng thương mại

TCTD	Tổ chức tín dụng
Stress testing	ST

1. GIỚI THIỆU

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009 và đại dịch Covid-19 xảy ra từ đầu năm 2020 đến nay đang đặt ra những thách thức chưa từng có tiền lệ và những khó khăn vô cùng to lớn đối với toàn bộ nền kinh tế. Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng đã chỉ ra một trong những nguyên nhân của khủng hoảng hệ thống ngân hàng là vấn đề thanh khoản. Thanh khoản ngân hàng là khả năng có thể kịp thời đáp ứng nhu cầu rút tiền gửi và giải ngân các khoản tín dụng theo cam kết. Khi ngân hàng hạn chế về khả năng cung ứng đủ lượng tiền mặt cho nhu cầu thanh khoản tức thời, hoặc chỉ có thể cung ứng với chi phí cao thì rủi ro thanh khoản ngân hàng xuất hiện. Do đó, thay vì đợi đến khi tổn thất do gặp rủi ro thanh khoản thì ngân hàng cần có kế hoạch nâng cao sức chịu đựng, giúp chống chịu tốt hơn trước những cú sốc bất lợi từ bên ngoài [10].

Vì hạn chế trong việc tiếp cận dữ liệu do một số NHTM Việt Nam không công bố đầy đủ nên trong khuôn khổ của bài nghiên cứu này tác giả lựa chọn 10 ngân hàng TMCP để kiểm tra khả năng chịu đựng các cú sốc thanh khoản tại thời điểm cuối quý 2/2021. Số liệu được thu thập từ báo cáo tài chính đăng tải trên website của các ngân hàng thương mại. Giả định rằng trong điều kiện bình thường khi chưa có cú sốc lớn xảy ra, các NHTM Việt Nam đang thặng dư thanh khoản và tồn tại. Tuy nhiên, khi chịu tác động bởi việc một lượng lớn tiền gửi tại ngân hàng bị rút ra trong thời gian ngắn, khả năng mất thanh khoản có thể xảy ra. Hơn nữa, nếu cùng lúc có nhiều ngân hàng chịu cú sốc thì các NHTM Việt Nam sẽ phải đối mặt với tình trạng mất khả năng thanh khoản và phải nhờ sự hỗ trợ từ Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam. Như vậy để tồn tại và sống sót qua các cú sốc thì nhiều NHTM phải có cuộc cải cách thật sự mạnh mẽ.

Vì vậy, nghiên cứu này được thực hiện nhằm bổ sung bằng chứng thực nghiệm nhằm kiểm tra sức chịu đựng về rủi ro thanh khoản của một số NHTM Việt Nam. Bài viết với mục tiêu góp phần hoàn thiện một bước quy trình và nâng cao chất lượng quản trị rủi ro thanh khoản trong ngân hàng. Cấu trúc của bài viết như sau: Phần 2 thảo luận ngắn

gọn về các tài liệu liên quan. Phần 3 dành cho phương pháp nghiên cứu, trong khi Phần 4 trình bày dữ liệu, kết quả. Phần 5 kết luận bài báo.

2. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Trong những năm gần đây đã có nhiều nghiên cứu trên thế giới tìm kiếm các khuôn khổ, công cụ và kỹ thuật đủ để đánh giá sự ổn định của hệ thống ngân hàng, trong đó có mô hình "Kiểm tra sức chịu đựng - Stress test". Philip Bunn [8] đề cập đến tầm quan trọng của Stress Test. Bài nghiên cứu cho rằng Stress test là công cụ quan trọng được sử dụng để đánh giá mức độ vững chắc của hệ thống ngân hàng trước các cú sốc của nền kinh tế. Mizuho Kida [7] cho rằng Stress Test là một công cụ dùng để phân tích khả năng phục hồi của hệ thống tài chính sau những cú sốc lớn. Van Den End [10] với mô hình của dựa trên việc tính toán lại bộ đệm thanh khoản sau tác động của một vài cú sốc giả định, kết hợp cả hai loại rủi ro của ngân hàng là: rủi ro thanh khoản thị trường và rủi ro thanh khoản về vốn.

Martin Cihak [6] nghiên cứu nhấn mạnh một cách tiếp cận đơn giản để kiểm tra căng thẳng thanh khoản là gây sốc đối với tiền gửi tại ngân hàng theo một tỷ lệ nhất định.

Theo Adian và Shin [1] nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn cho mối quan hệ giữa thanh khoản thị trường và thanh khoản ngân hàng dưới áp lực của các hiệu ứng thị trường vào bảng cân đối kế toán của Ngân hàng, dẫn đến giá trị tài sản giảm theo đường xoắn ốc và gây ra vỡ nợ dây chuyền giữa các ngân hàng. IMF đưa ra một mô hình kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản để kiểm tra khả năng thanh khoản của hệ thống ngân hàng [4]. Hiệu ứng phản hồi được tác giả mô phỏng bằng nỗ lực của các ngân hàng để đáp ứng nhu cầu thanh khoản tức thời là bán tài sản.

Tại Việt Nam, năm 2012, nhóm tác giả Dương Quốc Anh dựa trên mô hình của Martin Cihak [6] đưa ra một hướng dẫn cụ thể thực hiện ST cho từng loại rủi ro tại các TCTD. Đây có thể xem là một nghiên cứu chính thức đầu tiên về ST. Phạm Đỗ Nhật Vinh [9], giới thiệu những vấn đề cơ bản nhất về Stress Test: tầm quan trọng, thời gian áp dụng, những thách thức khi áp dụng, những kỹ thuật, phương pháp áp dụng, các loại rủi ro có thể áp dụng đồng thời đưa ra một số khuyến nghị và các giải pháp để nâng cao sức chịu đựng của hệ thống ngân hàng Việt Nam. Dương Quốc Anh và các cộng sự [3], nghiên cứu đo lường khả năng hấp thụ các giá trị rủi ro mà ngân hàng phải đối mặt trong mối tương quan với kế hoạch thực hiện của chính phủ, dựa vào kinh nghiệm để xây dựng lộ trình áp dụng ST cho tình hình cụ thể tại Việt Nam.

Một số dấu hiệu nhận biết căng thẳng thanh khoản của hệ thống NHTM như: (i) Biến động tăng mạnh của các mức lãi suất huy động, cho vay; (ii) Sụt giảm mạnh tiền gửi của khách hàng tại các NHTM; (iii) Tăng mạnh các khoản tái cấp vốn của ngân hàng trung ương cho các NHTM khi các NHTM gặp phải khó khăn đối với việc huy động vốn từ nền kinh tế và thị trường liên ngân hàng.

Như vậy, kiểm tra sức chịu đựng (Stress Test) rủi ro thanh khoản là một công cụ sử dụng các kỹ thuật và phương pháp để đánh giá khả năng đáp ứng các nghĩa vụ chi trả của các ngân hàng trước những sự kiện bất lợi, rất ngoại lệ, bất thường nhưng có khả năng xảy ra. Dịch bệnh Covid-19 như một thử nghiệm để kiểm tra căng thẳng nội bộ của các ngân hàng thương mại. Bài kiểm tra căng thẳng thanh khoản tập trung vào việc tạo ra các cú sốc thanh khoản giả định. Thực tiễn hiện nay là đưa ra các kịch bản dựa trên dòng tiền vào - ra căng thẳng và dòng tiền của người gửi tiền trong các đợt khủng hoảng gần đây.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Mô hình kiểm tra sức chịu đựng thanh khoản là kỹ thuật nhằm đánh giá các NHTM có đủ dòng tiền mặt và tài sản để đảm bảo nhu cầu thanh khoản trong một kịch bản căng thẳng.

Trong bài báo này, tác giả sử dụng mô hình kiểm tra sức chịu đựng rủi ro thanh khoản của các ngân hàng dựa trên mô hình của Martin Cihak [6] và tác giả Dương Quốc Anh [3] đó là gây sốc đối với tiền gửi tại ngân hàng theo một tỷ lệ nhất định. Phương pháp này dựa trên số liệu về các tài sản có và tài sản nợ tại một thời điểm, thực hiện đưa ra các giả định cú sốc thanh khoản như tăng đột biến tỷ lệ rút tiền ở các tài khoản tiền gửi nội tệ và ngoại tệ (tức là tăng rủi ro thanh khoản nguồn huy động), hoặc giảm khả năng thanh khoản của các tài sản lỏng (tức là tăng rủi ro thanh khoản thị trường) hoặc kết hợp cả hai. Trên cơ sở đó, người thực hiện đánh giá ngân hàng có thể chịu đựng được bao nhiêu ngày khi không có sự trợ giúp từ bên ngoài. Một nguyên tắc phổ biến được áp dụng khi ST rủi ro thanh khoản là chọn ngưỡng chịu đựng của ngân hàng khi có sự sụt giảm thanh khoản là 5 ngày. Lý do lựa chọn ngưỡng là 5 ngày vì sau 5 ngày làm việc ngân hàng thường sẽ đóng cửa vào các ngày cuối tuần, và khi đó ngân hàng và cơ quan giám sát có thời gian để nhìn nhận và đánh giá tình hình và đưa ra các giải pháp xử lý.

Ưu điểm của phương pháp này là ngân hàng có thể tận dụng được các dữ liệu đặc thù của có sẵn trong báo cáo tài chính của ngân hàng. Cũng theo [6], kết quả đạt được như những chỉ số phản ánh mức độ tổn thương, sức chịu đựng có giới hạn về thanh khoản của ngân hàng và là những kết quả mang tính chất dự báo. Đây là phương pháp đơn giản, dựa hoàn toàn vào các số liệu của bảng cân đối tài sản của ngân hàng tại một thời điểm nào đó. Ngoài ra cách làm này cho phép thực hiện ST thanh khoản nhưng không cần số liệu chi tiết từ các hành vi bên ngoài do đó linh hoạt trong việc lựa chọn các cú sốc được phân tích

Ứng dụng quy trình thực hiện Stress Testing thanh khoản đối với hệ thống các TCTD tại Việt Nam của Dương Quốc Anh, tác giả thực hiện Stress Testing cho các NHTM Việt Nam thông qua các bước sau:

Bước 1: Thu thập BCTC của các NHTM Việt Nam

Bước 2: Phân chia các loại tài sản và các loại nợ.

Dựa theo phần thuyết minh báo cáo tài chính của các ngân hàng theo từng loại tiền gửi (tiền gửi không kỳ hạn,

Bảng 1. Thu thập số liệu từ các ngân hàng TMCP Việt Nam thời điểm 30/6/2021

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Khoản mục	CTG	VCB	MBB	TCB	SHB	VPB	VIB	TPB	SSB	MSB
1	Tổng tài sản	1.473.022	1.303.633	523.334	504.304	458.349	451.767	277.200	242.247	186.934	183.124
2	Tài sản có tính thanh khoản cao	152.496	161.401	66.599	45.383	49.619	49.676	33.400	49.719	48.313	41.724
3	Tiền mặt, vàng	8.952	13.132	3.030	3.554	1.696	2.122	1.604	2.023	34.862	1.921
4	Tiền gửi tại NHNN	37.858	23.486	14.439	4.405	7.266	5.194	25.714	16.421	2.845	2.182
5	Tiền gửi không kỳ hạn tại TCTD khác	22.930	51.625	3.857	8.783	24.080	7.498	612	12.346	9.486	7.841
6	Trái phiếu Chính phủ	82.756	73.158	45.273	28.641	16.577	34.862	5.470	18.929	1.120	29.780
7	Tài sản có tính thanh khoản kém	1.320.526	1.142.232	456.735	458.921	408.730	402.091	243.800	192.528	138.621	141.400
Ngày 0: 30/6/2021											
8	Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	162.163	246.593	103.430	117.039	25.505	41.404	18.598	21.610	7.195	20.424
9	Tỷ lệ rút tiền trong ngày (%)	α									
10	Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	23.428	70.334	15.587	6.625	1.944	944	1.405	1.660	720	2.986
11	Tỷ lệ rút tiền trong ngày (%)	β									
12	Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	814.539	626.452	202.262	151.285	271.904	188.305	70.943	100.740	98.118	58.291
13	Tỷ lệ rút tiền trong ngày (%)	γ									
14	Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	30.668	75.545	4.535	4.640	10.122	2.147	102	6.978	1.272	3.381
15	Tỷ lệ rút tiền trong ngày (%)	δ									
16	Tài sản có tính thanh khoản cao	152.496	161.401	66.599	45.383	49.619	49.676	33.400	49.719	48.313	41.724
17	Tỷ lệ chuyển đổi thành tiền trong ngày (%)	95									
18	Tài sản có tính thanh khoản kém	1.320.526	1.142.232	456.735	458.921	408.730	402.091	243.800	192.528	138.621	141.400
19	Tỷ lệ chuyển đổi thành tiền trong ngày (%)	1									

(Nguồn: Báo cáo tài chính quý 2 năm 2021 của các ngân hàng TMCP Việt Nam)

có kỳ hạn bằng ngoại tệ và nội tệ) và theo từng loại tài sản (tài sản có tính thanh khoản cao và tài sản có tính thanh khoản thấp). Trong đó Tài sản có tính thanh khoản cao bao gồm: Tiền mặt, vàng; Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước; Tiền gửi không kỳ hạn tại các TCTD; Trái phiếu chính phủ (theo TT06/2016/NHNN) [5].

Bước 3: Tính thanh khoản một ngân hàng sau 5 ngày khi không có sự trợ giúp từ bên ngoài.

Công thức tính như sau: Thanh khoản của ngân hàng sau ngày thứ nhất = A – B

Trong đó :

- Tổng tài sản có tính thanh khoản tức thời trong ngày (A) = Lượng tiền có thể đáp ứng ngay của tài sản có tính thanh khoản cao + Lượng tiền có thể đáp ứng ngay của tài sản có tính thanh khoản thấp trong ngày.

- Lượng tiền rút ra trong ngày thứ nhất (B) = Tổng lượng tiền rút ra theo kỳ hạn (không kỳ hạn và có kỳ hạn) của từng loại tiền (nội tệ và ngoại tệ).

Nếu A-B > 0: Ngân hàng không gặp rủi ro thanh khoản.

Nếu A-B < 0: Ngân hàng mất khả năng thanh khoản.

Và tính toán tương tự cho các 4 ngày tiếp theo để đánh giá khả năng thanh khoản của một ngân hàng sau 5 ngày khi không có sự trợ giúp từ bên ngoài.

Bước 4: Diễn giải và đánh giá kết quả.

4. KẾT QUẢ

Dữ liệu nghiên cứu

Tác giả thu thập và xử lý số liệu từ Báo cáo tài chính của 10 ngân hàng TMCP gồm: Vietinbank, Vietcombank, MB, Techcombank, SHB, VPB, Tienphongbank, SeABank, MSB, VIB được thể hiện cụ thể như bảng 1.

Các giả định.

Để có các giả định hợp lý về tỷ lệ rút tiền bình quân đối với từng loại tiền gửi tác giả sử dụng các giả định về tỷ lệ rút tiền của một nhóm nghiên cứu Dương Quốc Anh [3] thuộc cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng của NHNN để xuất để chạy mô hình thử nghiệm. Tỷ lệ này được củng cố hơn do có một sự cố bất thường là đại dịch Covid-19 diễn ra khốc liệt làm cơ sở dẫn đến 1 giả định là xảy ra hiện tượng rút tiền hàng loạt của khách hàng và điều này ảnh hưởng đến khả năng thanh khoản của ngân hàng. Các ngân hàng luôn phải đối mặt với tình trạng rút tiền hàng loạt từ các khách hàng do những lo ngại về khả năng thanh toán của ngân hàng.

Tác giả giả định tỷ lệ rút tiền mỗi ngày đối với từng loại tiền gửi trong mỗi kịch bản như bảng 2.

Trong đó, Tài sản có tính thanh khoản cao bao gồm: Tiền mặt, vàng; Tiền gửi tại ngân hàng Nhà nước; Tiền gửi không

kỳ hạn tại các TCTD; Trái phiếu chính phủ. Đây là những tài sản có khả năng chuyển hóa tiền mặt tức thời để giải quyết thiếu hụt thanh khoản, theo giả định của tác giả khả năng chuyển hóa là 95%

Bảng 2. Giả định các cú sốc thanh khoản

STT	Tiêu chí	Hệ số runoff	Kịch bản cơ sở	Kịch bản bất lợi	Kịch bản căng thẳng
1	Tỷ lệ rút tiền gửi không kỳ hạn trong ngày (%)				
	VNĐ	α	7	9	12
	Vàng, ngoại tệ	β	5	6	10
2	Tỷ lệ rút tiền gửi có kỳ hạn trong ngày (%)				
	VNĐ	γ	3	5	8
	Vàng, ngoại tệ	δ	1	3	6
3	Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao chuyển đổi thành tiền trong ngày (%)		95	95	95
4	Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản kém chuyển đổi thành tiền trong ngày (%)		1	1	1

(Nguồn: [3] và tổng hợp của tác giả)

Tài sản có tính thanh khoản thấp = Tổng tài sản – Tài sản có tính thanh khoản cao. Nhóm tài sản này có khả năng chuyển hóa sang tiền mặt chậm và tốn nhiều chi phí hơn, với tỷ lệ chuyển đổi giả định là 1%

Kịch bản chạy mô hình ST của các ngân hàng sau năm ngày xảy ra căng thẳng thanh khoản được mô tả như bảng 3.

Bảng 3. Kịch bản chạy mô hình Stress Testing thanh khoản của các NHTM

TT	Chỉ tiêu	Chú thích
Ngày 1		
20	Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	$(8)-(8)\times(9)$
21	Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	$(10)-(10)\times(11)$
22	Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	$(12)-(12)\times(13)$
23	Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	$(14)-(14)\times(15)$
24	Dòng tiền ra khỏi NH trong ngày 1	$(8)\times(9)+(10)\times(11)+ (12)\times(13)+(14)\times(15)$
25	Tài sản có tính thanh khoản cao	$(2)-(2)\times 95\%$
26	Tài sản có tính thanh khoản kém	$(7)-(7)\times 1\%$
27	Tài sản thanh khoản tức thời trong ngày 1	$(2)\times 95\%+(7)\times 1\%$
28	Thanh khoản sau ngày 1	$(27)-(24)$
29	Thanh khoản (1 = Có, 0 = Không)	1 nếu $(28)>0$, 0 nếu $(28)<0$
Ngày 2		
30	Tiền gửi không kỳ hạn bằng VNĐ	$(20)-(20)\times(9)$

31	Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	$(21)-(21)\times(11)$
32	Tiền gửi có kỳ hạn bằng VNĐ	$(22)-(22)\times(13)$
33	Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	$(23)-(23)\times(15)$
34	Dòng tiền ra khỏi NH trong ngày 2	$(20)\times(9)+(21)\times(11)+ (22)\times(13)+ (23)\times(15)$
35	Tài sản có tính thanh khoản cao	$(25)-(25)\times 95\%$
36	Tài sản có tính thanh khoản kém	$(26)-(26)\times 1\%$
37	Tài sản thanh khoản tức thời trong ngày 2	$(25)\times 95\%+(26)\times 1\%$
38	Thanh khoản sau ngày 2	$(37)-(34)$
39	Thanh khoản (1 = Có, 0 = Không)	1 nếu $(38)>0$, 0 nếu $(38)<0$
40	Ngày 3	Cách tính tương tự ngày 1, ngày 2
41	Ngày 4	
42	Ngày 5	

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Kết quả

Sau khi thu thập đầy đủ dữ liệu cùng với những giả định liên quan, tác giả tiến hành chạy mô hình để thực hiện bài kiểm tra đo lường rủi ro thanh khoản tại các ngân hàng trong 5 ngày liên tiếp với 3 kịch bản và có kết quả như bảng 4.

Bảng 4. Kết quả thực hiện ST

Kịch bản cơ sở										
Ngày	CTG	VCB	MBB	TCB	SHB	VPB	VIB	TPB	SSB	MSB
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
5	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
Kịch bản bất lợi										
Ngày	CTG	VCB	MBB	TCB	SHB	VPB	VIB	TPB	SSB	MSB
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
4	0	0	1	0	1	1	1	1	1	1
5	0	0	1	0	0	1	1	1	1	1
Kịch bản căng thẳng										
Ngày	CTG	VCB	MBB	TCB	SHB	VPB	VIB	TPB	SSB	MSB
1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
2	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1
3	0	0	0	0	0	1	1	1	1	1
4	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1
5	0	0	0	0	0	0	1	1	1	1

(Nguồn: Tổng hợp từ tính toán của tác giả)

Theo số liệu tính toán ở bảng 4, sau khi thực hiện Stress Test cho 10 ngân hàng trong 5 ngày liên tục với kịch bản cơ sở thì dòng tiền thuần tại ngân hàng đều dương, chứng tỏ khả năng thanh khoản của các ngân hàng vẫn duy trì tốt trong kịch bản cơ sở

Sau khi thực hiện ST cho kịch bản bất lợi thì đến ngày thứ 4 đã có 3 ngân hàng mất khả năng thanh khoản là CTG, VCB, TCB, sang ngày thứ 5 có thêm SHB.

Tác giả tiếp tục thử nghiệm với kịch bản căng thẳng thì đã có 6/10 ngân hàng mất khả năng thanh khoản là: CTG, VCB, MBB, TCB, SHB, VPB

Theo kết quả chạy mô hình tác giả có nhận xét rằng các cú sốc bất lợi và căng thẳng ảnh hưởng nhiều nhất đến các NHTMCP quy mô vừa và lớn nhiều hơn là với các

NHTMCP nhỏ. Cụ thể là các ngân hàng VIB, TPB, SSB, MSB có quy mô tài sản nhỏ hơn vẫn đứng vững sau các cú sốc.

5. KẾT LUẬN

Với phương pháp dự báo để phân tích rủi ro thanh khoản của hệ thống NHTM Việt Nam cho thấy thanh khoản tại các NHTM có tầm quan trọng trong hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên tác giả cho rằng phương pháp kiểm tra và dự báo rủi ro thanh khoản này vẫn chưa đủ cơ sở để đánh giá chính xác mức độ tác động đến thanh khoản của cả hệ thống NHTM, để việc đánh giá được chính xác thì các phương pháp phân tích định lượng nên được áp dụng song song cùng với nhau.

Thông qua việc ứng dụng mô hình kiểm tra sức chịu đựng vào các NHTMCP Việt Nam, bài viết cơ bản đã chứng minh được: (1) Các NHTMCP, để vượt qua các cú sốc thanh khoản thì chính các ngân hàng này cần nắm giữ một lượng tài sản thanh khoản đủ lớn và đủ lỏng để khi thị trường xảy ra tình trạng căng thẳng, các ngân hàng có thể giải quyết được những thiếu hụt thanh khoản một cách nhanh chóng và hiệu quả; Và (2) khi ứng dụng mô hình kiểm tra sức chịu đựng vào các NHTMCP Việt Nam, kết quả là các NHTMCP Việt Nam đang trong tình trạng thặng dư thanh khoản và vượt quá các cú sốc ở kịch bản cơ sở mà không cần phải bán tài sản kém thanh khoản hay nhờ sự trợ giúp của NHNN. Nhưng trong một vài trường hợp đặc biệt, khi thị trường căng thẳng đến mức hỗn loạn trong kịch bản bất lợi và căng thẳng, thì một số các NHTMCP phải đối mặt với dòng vốn ra lớn dẫn đến mất thanh khoản, các NHTMCP buộc phải phản ứng thật mạnh bằng cách bán tài sản

Tuy nhiên, khi càng nhiều nguồn vốn được giữ lại để sẵn sàng đáp ứng nhu cầu thanh khoản, thì khả năng tạo ra lợi nhuận của ngân hàng càng thấp và ngược lại. Do đó, mục tiêu của các ngân hàng là phải tìm cách cân bằng nguồn vốn sao cho tối ưu hóa lợi nhuận nhưng vẫn đủ thanh khoản để đáp ứng khi cần thiết.

Nghiên cứu này sử dụng mô hình có một số hạn chế. Đầu tiên, không tính đến sự lây lan liên ngân hàng kiểu domino, có thể xảy ra trong thời kỳ khủng hoảng thanh khoản. Thứ hai, dữ liệu được sử dụng để mô phỏng các giả định có độ chi tiết hợp lý, nhưng vẫn không hoàn hảo để nắm bắt chính xác các rủi ro thanh khoản. Thứ ba, mô hình chỉ sử dụng các biến điểm là các khoản mục trên bảng cân đối kế toán để làm cơ sở thực hiện stress test. Đồng thời, kết quả kiểm tra thường không tính đến các chính sách từ cơ quan quản lý và các hành vi bên ngoài. Điều này không đúng trong thực tế. Mặc dù ST là những kỹ thuật định lượng và có tính logic rất cao, nhưng trên thực tế khi vận dụng công cụ này chưa hẳn đã đem lại sự minh bạch hoặc rõ ràng. Nguyên nhân chính vì thực hiện kiểm tra sức chịu đựng phải dựa trên nhiều quyết định chủ quan như lựa chọn yếu tố rủi ro để kiểm tra, lựa chọn cách kết hợp các yếu tố rủi ro, chọn vùng dữ liệu để xác định quy mô cú sốc, khung thời gian tác động... Mỗi một nhóm thực hiện có thể

có những quyết định chuyên môn khác nhau và thậm chí khi diễn giải kết quả cũng có thể có sự khác biệt. Thách thức này không chỉ riêng đối với các ngân hàng mà cũng là thách thức của cơ quan giám sát khi đánh giá chất lượng kịch bản do các ngân hàng thực hiện.

Hướng nghiên cứu tiếp theo có thể thực hiện được đó là: (1) Phát triển mô hình này khi có sự tham gia của NHNN vào các cuộc căng thẳng thanh khoản, (2) Mở rộng áp dụng trên phạm vi toàn hệ thống ngân hàng, (3) Áp dụng thêm nhiều kịch bản và quy mô các cú sốc khác nhau như người gửi tiền sẽ rút các khoản tiền gửi của bất chấp các nỗ lực tăng lãi suất của các NHTM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Adian T., H. S. Shin, 2009. *Money, Liquidity, and Monetary Policy*. Staff Report No. 360, Federal Reserve Bank of New York.
- [2]. Báo cáo tài chính quy 2 năm 2021 của các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- [3]. Duong Quoc Anh, cs, 2012. *Phuong phap luan danh gia suc chiu dung cua To chuc tin dung truuoc cac cu soc tren thi truong tai chinh*. State Bank of Vietnam.
- [4]. IMF, 2011. *Global Financial Stability Report, Chapter 2 - "Liquidity Risk: How to Address the "Systemic"*. International Monetary Fund.
- [5]. State Bank of Vietnam, 2016. *Circular No. 06/2016/TT-NHNN date May 27, 2016 amending and supplementing certain articles of the Circular No. 36/2014/TT-NHNN of the Governor of the State Bank of Vietnam dated November 20, 2014 providing for prudential ratios and limits for operations of credit institutions and foreign bank branches*.
- [6]. Martin Cihak, 2007. *Introduction to applied stress testing*. IMF working paper WP 07/59
- [7]. Mizuho Kida, 2008. *A Macro Stress Testing Model With Feedback Effects*. Reserve Bank of New Zealand, Discussion Paper.
- [8]. Philip Bunn, 2005. *Stress Testing As A Tool For Assessing Systemic Risk*. Financial Stability Review.
- [9]. Pham Do Nhat Vinh, 2012. *Kiem tra suc chiu dung trong linh vuc Ngan hang o Viet Nam nhu the nao va khi nao?* Banking Review No. 09, 01-07.
- [10]. Van Den End, 2008. *Liquidity Stress-Tester: A Macro Model For Stress Testing Banks' Liquidity Risk*. DNB Working Paper No. 175, Netherlands Central Bank.

AUTHOR INFORMATION

Duong Thi Hoan

Faculty of Business Management, Hanoi University of Industry